

TIẾP CẬN MÔ HÌNH TÍCH HỢP KIẾN THỨC, PHƯƠNG PHÁP, CÔNG NGHỆ NHẪM ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Lê Thu Trang¹, Hoàng Thúy Nga¹
Email: lttrang4@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.989

Tóm tắt: Bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang đặt giáo dục đại học Việt Nam đứng trước những biến đổi mang tính căn bản. Công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, các nền tảng trực tuyến, các thiết bị dạy học hiện đại được nâng cấp liên tục... đã và đang thay đổi toàn diện cách thức tổ chức dạy học, từ nội dung, phương pháp đến môi trường học tập. Trong bối cảnh đó, tiếp cận mô hình tích hợp kiến thức, phương pháp, công nghệ (TPACK) với yếu tố cốt lõi là kiến thức về nội dung, kiến thức về phương pháp sư phạm và kiến thức về công nghệ trong dạy học phần Tiếng Việt thực hành là một hướng tiếp cận phù hợp. Bài nghiên cứu này sẽ phân tích cơ sở lý luận, bối cảnh thực tiễn và đưa ra đề xuất mô hình TPACK đối với học phần Tiếng Việt thực hành đáp ứng sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: tiếng Việt thực hành, năng lực số, tổ chức dạy học, đổi mới phương pháp, TPACK

I. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học Việt Nam đang chứng kiến những thay đổi sâu sắc về mô hình đào tạo, phương thức tổ chức dạy học và yêu cầu đối với người học. Các trường đại học đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển mô hình giảng dạy trực tuyến, xây dựng môi trường học tập số hóa để có thể bắt nhịp với tốc độ phát triển của công nghệ. “Trong bối cảnh thế

giới có những thay đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình nền giáo dục trên phạm vi toàn cầu, mỗi quốc gia đều phải xác định lại tầm nhìn và chiến lược mới cho hệ thống giáo dục trong tương lai”². Điều này đồng nghĩa với việc mỗi học phần, mỗi chương trình đào tạo đều phải được điều chỉnh để thích ứng với bối cảnh số. Là học phần nền tảng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn mực, học

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

phần Tiếng Việt thực hành thuộc ngành đào tạo ngôn ngữ Trường Đại học Mở Hà Nội không chỉ giới hạn sinh viên ở kỹ năng ngôn ngữ mà cần quan tâm đến kỹ năng số để người học được trải nghiệm phương pháp học tập mới mẻ. Để đạt được mục tiêu đổi mới đó, giảng viên khi dạy học Tiếng Việt thực hành phải kết hợp tốt mối quan hệ giữa kiến thức, phương pháp và công nghệ. Mô hình TPACK của Koehler và Mishra với ba lĩnh vực tri thức cốt lõi: tri thức nội dung (CK - Content Knowledge), tri thức sư phạm (PK - Pedagogical Knowledge) và tri thức công nghệ (TK - Technological Knowledge) tạo thành khung lý thuyết tích hợp công nghệ trong dạy học là mô hình đáp ứng được yêu cầu đó.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Chuyển đổi số trong giáo dục

“Chuyển đổi số (digital transformation) là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc, học tập và liên hệ với nhau. Chuyển đổi số bao gồm chính phủ số, kinh tế số và xã hội số”³. Trong dạy học ở bậc đại học hiện nay, chuyển đổi số bao gồm số hóa học liệu và nguồn tài nguyên học tập, dạy học trực tuyến (e-learning, LMS), sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin đánh giá, quản lý, tương tác, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), khai thác dữ liệu lớn (Big Data) vào quá trình giảng dạy và học tập.

Đối với ngành Giáo dục hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang nhấn mạnh vai trò chuyển đổi số, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, là chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo. Nhiệm vụ cấp bách của giáo dục là “Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo”. Ngành Giáo dục phải “Xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển nền tảng giáo dục quốc gia ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát; bố trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước”⁴. Phát triển kỹ năng số và năng lực ngôn ngữ số cho sinh viên là một yêu cầu bắt buộc đối với các trường đại học nhằm bắt nhịp với xu thế toàn cầu hóa. Ngành Giáo dục phải thực hiện nhiệm vụ: “Xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh”⁵.

Sự phát triển của các thiết bị công nghệ cũng như các phần mềm công nghệ với tốc độ nhanh chóng đặt ra yêu cầu về năng lực đổi mới, năng lực số đối với giảng viên. Bối cảnh mới đòi hỏi người dạy phải

³ Đỗ Văn Hùng (Chủ biên), (2022), Phạm Hải Chung, Nguyễn Thị Kim Dung, Phan Thanh Đức, Lê Quốc Hải, Trần Đức Hòa, Mai Anh Thơ, Bùi Thanh Thủy, (2022). Năng lực số. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁴ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

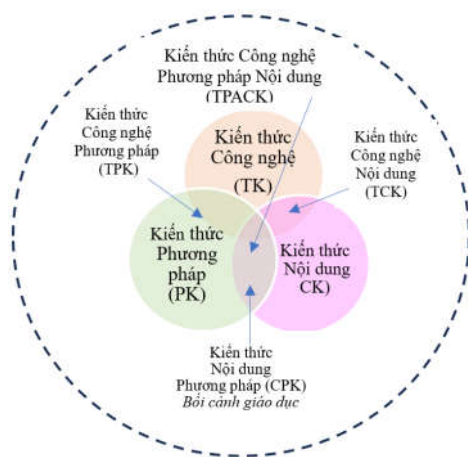
⁵ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

tích hợp công nghệ số với nội dung giảng dạy. Học phần Tiếng Việt thực hành vì vậy cần thiết phải tích hợp năng lực số để giúp sinh viên vừa có kiến thức vừa có kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu mới về chất lượng nguồn nhân lực.

2.2. Mô hình TPACK

Sự bùng nổ của công nghệ đã xuất hiện mô hình dạy học mới khác với mô hình dạy học truyền thống. Trên cơ sở lý thuyết về mối liên hệ giữa kiến thức sư phạm và kiến thức nội dung của Shulman, Mishra và Koehler (2006) đưa ra mô hình TPACK⁶. Vận dụng mô hình này, giảng viên giảng dạy kiến thức một lĩnh vực cụ thể bằng các phương pháp kết hợp với ứng dụng công nghệ. Sự giao thoa giữa ba lĩnh vực kiến thức, phương pháp, công nghệ chính là cốt lõi sự đổi mới của mô hình TPACK so với mô hình dạy học trước đó.

Cho đến nay, khung TPACK bao gồm ba yếu tố cốt lõi CK, PK, TK và bốn kiến thức tương tác gồm có PCK, TCK, TPK, TPACK và bối cảnh được thể hiện trong Hình 1.



Hình 1. Khung TPACK⁷

Kiến thức nội dung: là những vấn đề cụ thể của môn học bao gồm các lý thuyết và khái niệm cốt lõi của lĩnh vực cụ thể.

Kiến thức sư phạm: là hiểu biết sâu rộng các quy trình thực hành hoặc phương pháp giảng dạy và học tập. Đây là một dạng kiến thức chung liên quan đến mọi vấn đề trong hoạt động học tập của người học bao gồm cả mục tiêu giáo dục, quản lý lớp học, lập kế hoạch giảng dạy, định hướng tình huống học tập, đánh giá và phản hồi...

Kiến thức công nghệ: là sự am hiểu và khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ như máy tính, mạng internet, hình ảnh, video, hệ thống các phần mềm máy tính... Kiến thức công nghệ bao gồm cả khả năng ứng dụng và học hỏi cái mới, không ngừng cập nhật của công nghệ.

Sự tương tác giữa ba lĩnh vực này tạo ra thêm ba thành phần (Hình 1):

Kiến thức nội dung sư phạm: bao gồm các phương pháp giảng dạy phù hợp để truyền đạt một nội dung cụ thể. Ở đây, giảng viên nắm rõ nội dung môn học và tùy từng nội dung lựa chọn sử dụng phương pháp khác nhau để phù hợp dạy học nội dung đó.

Kiến thức nội dung công nghệ: là sự giao thoa của công nghệ với nội dung, mục tiêu học tập. Đó là sự hiểu biết về cách thức công nghệ và nội dung tác động với nhau. Người dạy cần hiểu rõ nội dung giảng dạy và để dạy nội dung đó cần ứng dụng công nghệ ra sao, sử dụng phần mềm nào, ứng dụng nào phù hợp nhất, hiệu quả nhất với từng nội dung cụ thể.

Kiến thức sư phạm công nghệ: là sự thể hiện cách mà công nghệ cụ thể được

⁶ Mishra, P., & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers College Record*, 108(6), 1017-1054. <https://doi.org>

⁷ <https://tpack.org>

ứng dụng nhằm đạt mục tiêu dạy học. Công nghệ là phương tiện, công cụ để giảng viên truyền tải nội dung dạy học và công nghệ được sử dụng khác nhau để phù hợp với bối cảnh và mục đích.

Kiến thức nội dung sư phạm công nghệ (TPACK) là nền tảng cho việc dạy học với công nghệ. Đó là một khung năng lực của người dạy dựa trên sự kết hợp của các loại kiến thức: CK, TK, PK, TCK, TPK, PCK. Việc ứng dụng công nghệ trong dạy học được lựa chọn, ứng dụng thích hợp với bối cảnh giáo dục cụ thể (context).

Ngay khi Mishra và Koehler giới thiệu, mô hình TPACK đã thu hút được sự quan tâm của các nhà giáo dục trong nước và quốc tế. TPACK được coi là thành phần cấu trúc của chương trình học tập và giảng dạy ở nhiều trường học tại Mỹ, Úc, Trung Quốc... Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, mô hình TPACK đã được quan tâm và ứng dụng tại một số trường đại học. Tiêu biểu là nghiên cứu của các tác giả: Nguyễn Thế Dũng tại Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Tăng Minh Dũng tại Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Văn Lợi tại Đại học Cần Thơ. Các nghiên cứu này đều đã chỉ ra tác động tích cực của khung TPACK đến quá trình dạy học và đều đi đến kết luận tiếp cận mô hình TPACK trong giáo dục đại học là cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Bài nghiên cứu về *Tiếp cận mô hình TPACK nhằm đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt thực hành* góp phần mở rộng tri thức về mặt lý luận nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành ngôn ngữ tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Để làm rõ sự phù hợp theo hướng tiếp cận mô hình TPACK trong dạy học Tiếng Việt thực hành, chúng tôi sử dụng

phương pháp định tính, phương pháp định lượng. Với phương pháp định lượng, chúng tôi hệ thống hóa nền tảng lý thuyết về khung TPACK. Phương pháp định tính được chúng tôi sử dụng để khảo sát đánh giá của sinh viên đối với việc tích hợp công nghệ trong học phần Tiếng Việt thực hành. Chúng tôi đã thực hiện khảo sát 200 sinh viên đang theo học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Mở Hà Nội qua bảng hỏi Google form. Các câu hỏi trong bảng hỏi Google form được thiết kế dựa trên thang đo Likert. Trên cơ sở lý thuyết và số liệu thu thập được, chúng tôi phân tích, diễn giải, mô tả và đưa ra kết luận về việc vận dụng mô hình TPACK trong dạy học Tiếng Việt thực hành tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.2. Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên về việc tích hợp công nghệ trong học phần Tiếng Việt thực hành được thể hiện qua các biểu đồ sau:



Hình 2. Biểu đồ đánh giá mức độ quan trọng của công nghệ trong học phần Tiếng Việt thực hành

Kết quả khảo sát cho thấy 83% sinh viên đều cho rằng công nghệ có vai trò rất quan trọng trong học phần Tiếng Việt thực hành, 12% sinh viên cho rằng công nghệ có vai trò quan trọng, chỉ 5% sinh viên cho rằng công nghệ có vai trò ít quan trọng.



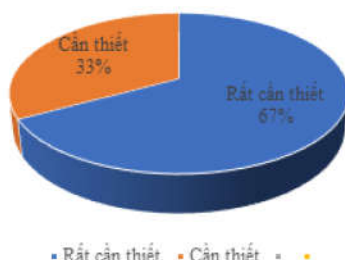
Hình 3. Biểu đồ khả năng sử dụng các ứng dụng cơ bản công nghệ cơ bản của sinh viên

Kết quả khảo sát về khả năng sử dụng các ứng dụng công nghệ cơ bản cho thấy: 13% sinh viên sử dụng ở mức rất thành thạo, 68% sinh viên sử dụng thành thạo, 11% sinh viên có khả năng sử dụng cơ bản. Số sinh viên sử dụng được nhưng chưa thành thạo chiếm 8%.



Hình 4. Biểu đồ mức độ sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) của sinh viên trong hoạt động học tập

Sự cần thiết tích hợp công nghệ vào học phần Tiếng Việt thực hành



Hình 5. Biểu đồ đánh giá sự cần thiết tích hợp công nghệ vào học phần Tiếng Việt thực hành

Kết quả khảo sát về mức độ sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) ở hình 4 cho thấy 12% sinh viên sử dụng rất thường xuyên, 76% sinh viên sử dụng thường xuyên. Số sinh viên thỉnh thoảng sử dụng chiếm 9%, chỉ 3% sinh viên không sử dụng AI.

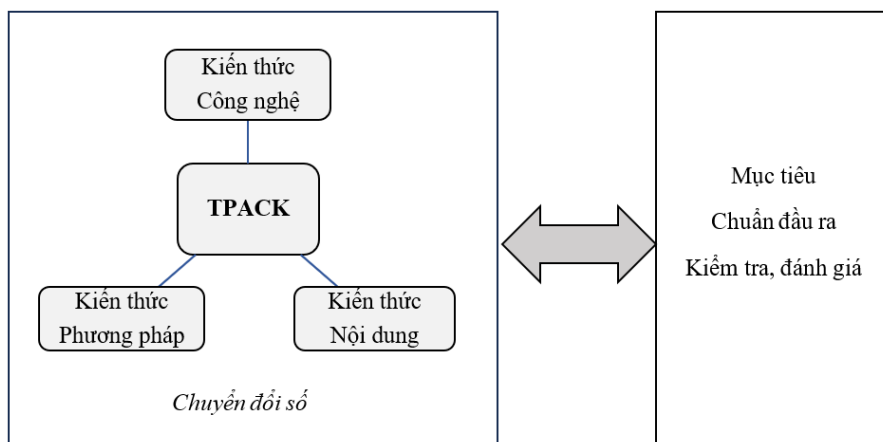
Với sự tác động của công nghệ số đến tất cả các mặt đời sống như hiện nay, sinh viên đều nhận thấy sự cần thiết của công nghệ đối với việc học. Kết quả ở hình 5 cho thấy 100% sinh viên đều cho rằng tích hợp công nghệ vào học phần Tiếng Việt thực hành là cần thiết. Trong đó, 67% đánh giá rất cần thiết, 33% đánh giá cần thiết. Sinh viên đều có khả năng sử dụng và thường xuyên sử dụng các thiết bị công nghệ như máy tính, điện thoại, máy chiếu cho đến các phần mềm công nghệ. Sự thể hiện số liệu khảo sát qua các biểu đồ nói trên cho thấy việc tiếp cận mô hình TPACK trong dạy học Tiếng Việt thực hành nhận được sự đồng thuận tích cực từ phía người học. Với mô hình TPACK, giảng viên cần tổ chức hoạt động dạy học phát huy tối đa vai trò trung tâm của sinh viên trong quá trình học tập và định hướng việc ứng dụng công nghệ như một công cụ hữu ích vào hoạt động học tập, từ đó góp phần hình thành cho sinh viên nền tảng công nghệ vững chắc.

IV. Kết quả nghiên cứu

Dựa trên kết quả khảo sát và cơ sở lý thuyết về khung TPACK của Mishra và Koehler, chúng tôi đề xuất mô hình dạy học Tiếng Việt thực hành theo hướng tích hợp kiến thức nội dung học phần với kiến thức công nghệ nhằm đổi mới phương pháp dạy học, góp phần hình thành cho người học năng lực thiết yếu nhằm thích ứng với đòi hỏi của thực tiễn (hình 6). Kết quả khảo sát cho thấy

công nghệ là yếu tố đổi mới căn bản của hoạt động dạy học. Từ cách thức dạy của giảng viên, cách thức học của

sinh viên cho đến mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra và kiểm tra, đánh giá đều gắn với công nghệ.



Hình 6. Mô hình TPACK trong dạy học Tiếng Việt thực hành

4.1. Mục tiêu học phần

Khi công nghệ trở ngày càng trở nên phổ biến hơn trong các cơ sở giáo dục, việc giảng dạy và học tập tích hợp kỹ năng số là một yêu cầu bắt buộc. Để thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, mô hình TPACK trong dạy học Tiếng Việt thực hành cần bổ sung mục tiêu về công nghệ số. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học Tiếng Việt thực hành tại Trường Đại học Mở Hà Nội đã và đang được thực hiện một cách thường xuyên với các phần mềm cơ bản như Google Meet, Word, Powerpoint, Canva, Edraw Mind... Tuy nhiên, tri thức về công nghệ chưa trở thành một trong ba thành tố nằm trong cấu trúc học phần, chưa được cụ thể hóa trong nội dung học phần và chuẩn đầu ra học phần. Việc điều chỉnh, bổ sung mục tiêu tích hợp tri thức tiếng Việt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt với về tri thức công nghệ trong học phần Tiếng Việt thực hành theo mô hình TPACK vì thế trở thành mô hình dạy học toàn diện, đáp ứng sự đổi mới để theo kịp với sự thay đổi của bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục.

4.2. Kiến thức nội dung

Kiến thức nội dung (CK) học phần Tiếng Việt thực hành bao gồm hệ thống tri thức chuẩn về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản của ngôn ngữ tiếng Việt. Với mô hình TPACK, những nội dung tri thức tiếng Việt không còn giới hạn trong giáo trình, tài liệu tham khảo truyền thống. Công nghệ số cung cấp nguồn học liệu mở đa dạng như: văn bản báo điện tử, sách nói, blog, các bài đăng trên mạng xã hội, video, audio... Việc mở rộng nguồn học liệu giúp người học tiếp cận kiến thức nội dung học phần phong phú hơn đồng thời đòi hỏi năng lực số của cả người dạy và người học phải nâng cao năng lực số để chọn lọc và thẩm định học liệu chất lượng, tin cậy.

4.3. Kiến thức sư phạm

Với từng đơn vị kiến thức cụ thể của học phần Tiếng Việt thực hành, giảng viên sẽ linh hoạt để lựa chọn phương pháp dạy học, định hướng cho người học chiến lược học tập phù hợp. Không chỉ định hướng mà giảng viên cần khích lệ, khơi gợi ở sinh viên hứng thú học tập, truyền

cho họ cảm hứng sáng tạo. Dựa vào việc phân tích mục tiêu, nội dung học phần, giảng viên xác định cụ thể các nội dung kiến thức phù hợp để tích hợp phát triển kỹ năng số cho sinh viên. TPACK mở ra cơ hội đổi mới, đa dạng hóa phương pháp, cách thức dạy học *Tiếng Việt thực hành*.

4.4. Kiến thức công nghệ

Là một trong ba thành phần cốt lõi của mô hình TPACK, giảng viên phải luôn luôn chủ động cập nhật kiến thức công nghệ (TK). Kiến thức công nghệ là một thước đo năng lực của giảng viên. Sử dụng hiệu quả các phần mềm cơ bản như PowerPoint, Canva, Word nâng LMS, Zoom, Google meet cho đến các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) như Chat GPT, Gemini, Duolingo Max, Khanmigo, Claude AI... là kỹ năng cần thiết đối với giảng viên. Các hình thức tổ chức lớp học như lớp học kết hợp (blended learning), học tập đảo ngược (flipped classroom) hoặc hoàn toàn trực tuyến (online learning), các ứng dụng công nghệ tạo ra môi trường học tập năng động, hiện đại giúp hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên trở nên mới mẻ, phong phú hơn, hiệu quả hơn.

4.5. Kiến thức nội dung công nghệ

Kiến thức nội dung công nghệ (TCK) thể hiện sự liên quan giữa công nghệ và nội dung. Với mỗi nội dung cụ thể trong học phần, giảng viên sẽ linh hoạt lựa chọn phương pháp phù hợp có ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng của việc dạy và học. Trong học phần *Tiếng Việt thực hành*, TCK được thể hiện qua các dạng bài tập như:

- Tạo lập các loại văn bản trên nền tảng số: bài thuyết trình, email, báo cáo, kế hoạch học tập...

- Sáng tạo các nội dung đa phương tiện: slide, infographic, video... trong bài thuyết trình.

- Tìm kiếm, trích dẫn, xây dựng thư viện tài liệu số tiếng Việt.

Ứng dụng công nghệ vào thể hiện kiến thức tiếng Việt làm cho nội dung môn học hấp dẫn hơn, kích thích tư duy và sự sáng tạo của sinh viên. Công nghệ giúp người học có thể tham gia diễn đàn trao đổi, thể hiện ý kiến, nâng cao năng lực diễn đạt... Người học cũng có thể thực hiện các bài tập phát hiện và chữa lỗi về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng tiếng Việt từ các trang báo điện tử, tạp chí điện tử... Các công cụ số tạo ra môi trường cho phép cá nhân hóa quá trình học tập, tạo cơ hội học hỏi từ nhiều cách khác nhau, nhiều nguồn học liệu khác nhau để thu thập thông tin và xây dựng kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

4.6. Kiến thức nội dung sư phạm

Kiến thức nội dung sư phạm (PCK) là kiến thức của giảng viên về các lĩnh vực dạy và học cơ bản, bao gồm phát triển chương trình giảng dạy, đánh giá kết quả học tập. Với vai trò người thiết kế hoạt động dạy học, đảm bảo theo nguyên tắc giáo dục người học là trung tâm, sinh viên được luyện tập thực hành sử dụng tiếng Việt, nâng cao kỹ năng viết và nói tiếng Việt chuẩn mực. Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân biệt rõ giữa ngôn ngữ mạng và ngôn ngữ học thuật; khuyến khích sáng tạo nhưng vẫn đảm bảo chuẩn mực trong bài tập học thuật; tránh lạm dụng từ vay mượn, viết tắt, nâng cao ý thức giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt.

4.7. Kiến thức sư phạm công nghệ

TPK trong dạy học Tiếng Việt thực hành thể hiện qua sự tích hợp công nghệ

vào nội dung dạy học linh hoạt, phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao cho hoạt động học tập của sinh viên. Sự phát triển công nghệ với tốc độ không ngừng như hiện nay, tích hợp công nghệ số vào giảng dạy và đánh giá học phần Tiếng Việt thực hành không chỉ là phương tiện để thực hiện giảng dạy trên lớp mà còn là công cụ hỗ trợ rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên. Chuyển đổi số đã mang đến những công nghệ mới đòi hỏi ở giảng viên và sinh viên khả năng tiếp cận và làm chủ công nghệ, đặc biệt là với sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI). AI là cơ hội để giảng viên đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy. Bên cạnh đó, giảng viên cần có định hướng cho sinh viên sử dụng AI như một công cụ để hỗ trợ học tập hiệu quả. Bên cạnh những dạng bài tập truyền thống thực hành chữa lỗi về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản tiếng Việt, giảng viên cần thiết kế các bài tập yêu cầu người học phân tích, đánh giá các phản hồi do AI tạo ra, định hướng sinh viên sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ nhận thức, một phương tiện học tập hữu ích, sử dụng hiệu quả nhưng không lạm dụng, không lệ thuộc. Việc dạy học Tiếng Việt thực hành trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ định hướng cho người học năng lực ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn mực trong môi trường số mà còn định hướng năng lực đa phương tiện; năng lực đạo đức số trong khai thác tài liệu số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

4.8. TPACK trong kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Kiểm tra, đánh giá học phần Tiếng Việt thực hành trong bối cảnh số cần bám sát mục tiêu học phần về tích hợp kỹ năng số, từ đó xây dựng tiêu chí đánh giá về kỹ năng số. Sự đa dạng cách thức, phương pháp, nội

dung, tiêu chí đánh giá học phần sẽ tạo ra những phương thức học tập thú vị cho sinh viên. Thay vì chỉ dựa vào bài kiểm tra viết, TPACK cho phép đánh giá thông qua nhiều hình thức. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá kiến thức, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt tích hợp với kỹ năng về năng lực số của sinh viên là cần thiết. Trong thời đại số, chuẩn đầu ra học phần không chỉ dừng ở viết và nói ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn mực trong đánh giá giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ mà cần xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể theo suốt quá trình học tập của sinh viên thông qua các hoạt động học tập có ứng dụng công nghệ số như soạn thảo email học thuật, viết báo cáo trực tuyến, tham gia thảo luận trên diễn đàn, tiêu chí về việc sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), sáng tạo nội dung đa phương tiện.

V. Kết luận

Chính phủ Việt Nam đã xác định chuyển đổi số giáo dục là chiến lược trọng tâm. Các văn bản Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) về đột phá phát triển giáo dục đã tạo nền tảng vững chắc cho đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chú trọng đến phát triển năng lực số cho người học. Trong xu hướng tất yếu đó, khung TPACK là một bộ kiến thức phong phú mà mỗi giảng viên cần có nhằm nâng cao năng lực đổi mới phương pháp dạy học. Mô hình TPACK nhấn mạnh việc áp dụng công nghệ một cách hiệu quả gắn kết chặt chẽ với mục tiêu dạy học và nội dung kiến thức môn học để nâng cao trải nghiệm và hiệu quả học tập của người học. Tiếp cận mô hình TPACK vào dạy học Tiếng Việt thực hành mở ra khả năng đổi mới phương pháp sư

phạm của giảng viên, tăng tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Từ những cơ sở lý luận và kết quả khảo sát, đánh giá về việc cần thiết đưa công nghệ vào như một yếu tố cốt lõi của học phần, có thể khẳng định rằng việc triển khai dạy học Tiếng Việt thực hành theo hướng tiếp cận mô hình TPACK là hướng đi cần thiết, phù hợp xu thế chuyển đổi số của giáo dục đại học Việt Nam. Nghiên cứu này là cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn sự thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). *Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [3]. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2014). *Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 về quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin*.
- [4]. Đỗ, V. H. (Chủ biên), Phạm, H. C., Nguyễn, T. K. D., Phan, T. Đ., Lê, Q. H., Trần, Đ. H., Mai, A. T., & Bùi, T. T. (2022). *Năng lực số*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Ferrari, A. (2013). *A framework for developing and understanding digital competence in Europe*. Luxembourg: European Union.
- [6]. Goradia, T. (2018). Role of educational technologies utilizing the TPACK framework and 21st century pedagogies: Academics' perspectives. *IAFOR Journal of Education*, 6(3), 43-61. <https://doi.org/10.22492/ije.6.3.03>
- [7]. Koehler, M. J., & Mishra, P. (2008). Introducing TPACK. In AACTE Committee on Innovation and Technology (Ed.), *The handbook of technological pedagogical content knowledge (TPCK) for educators* (pp. 3-29). Routledge.
- [8]. Mishra, P. (2019). Considering contextual knowledge: The TPACK diagram gets an upgrade. *Journal of Digital Learning in Teacher Education*, 35(2), 76-78. <https://doi.org/10.1080/21532974.2019.1588611>
- [9]. Mishra, P., & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers College Record*, 108(6), 1017-1054.
- [10]. Mishra, P., Koehler, M. J., & Henriksen, D. (2010). The 7 transdisciplinary habits of mind: Extending the TPACK framework towards 21st century learning. *Educational Technology*, 51(2), 22-28.
- [11]. Ndongfack, M. N. (2015). Teacher professional development on technology integration using the mastery of active and shared learning for techno-pedagogy (MASLEPT) model. *Creative Education*, 6(3), 295-308.
- [12]. Nguyễn, T. D. (2019). Một số kết quả nghiên cứu ban đầu về khung TPACK trong dạy học tích hợp công nghệ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, (50), 98-106.
- [13]. Nguyễn, V. L. (2021). Tổng quan nghiên cứu về kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin (TPACT) trong dạy học ngoại ngữ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 57(1C), 186-195. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.123>
- [14]. Shulman, L. S. (1986). Those who understand: Knowledge growth in teaching. *Educational Researcher*, 15(2), 4-14.

- [15]. Shulman, L. S. (1987). Knowledge and teaching: Foundation of new reform. *Harvard Educational Review*, 57(1), 1-22.
- [16]. Tăng, M. D. (2022). Đào tạo sinh viên sư phạm dạy học toán với công nghệ thông tin: góc nhìn từ khung TPACK. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, 19(2), 201-212.
- [17]. Thompson, A. D., & Mishra, P. (2007). TPCK: A new direction for technology in teacher education programs. *Journal of Computing in Teacher Education*, 23(3), 78-104.
- [18]. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [19]. TPACK.org. (n.d.). *TPACK framework*. Retrieved from <https://tpack.org>
- [20]. Trần, T. T. H., & Nguyễn, K. Q. (2022). Năng lực kỹ thuật số của nhà giáo dục: Khái niệm liên quan và các bộ công cụ đánh giá. *Tạp chí Giáo dục*, 22(16), 22-48.
- [21]. Zhang, W., & Tang, J. H. (2021). Review of teachers' technological pedagogical content knowledge (TPACK) in China. *Creative Education*, 12(8), 1726-1743.

APPLYING THE TECHNOLOGICAL PEDAGOGICAL CONTENT KNOWLEDGE MODEL TO INNOVATE TEACHING METHODS FOR PRACTICAL VIETNAMESE IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Le Thu Trang¹, Hoang Thuy Nga¹

Abstract: *The context of globalization and digital transformation is putting Vietnamese higher education in the face of fundamental changes. Digital technology, artificial intelligence, online platforms, and modern teaching equipment that are constantly upgraded have been and continue to comprehensively change the way teaching is organized, from content, methods, to the learning environment. In that context, applying the Technological Pedagogical Content Knowledge (TPACK) model's core elements-knowledge of content, knowledge of pedagogical methods, and knowledge of technology-to teach the practical Vietnamese course is a suitable approach. This study will analyze the theoretical basis, practical context, and propose the TPACK model for the practical Vietnamese course to meet the need to innovate teaching methods in the context of digital transformation.*

Keywords: *practical Vietnamese, digital capacity, teaching organization, method innovation, TPACK*

¹ Hanoi Open University